**Câu 1:**

* **Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là gì?**
* Giá trị thặng dư TBCN (m) là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động( người LĐ làm thuê ) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa SLĐ).
* **Mối quan hệ giữa giá trị hang hóa và giá trị thặng dư:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị hàng hóa** | **Giá trị thặng dư** |
| Giá trị hang hóa là một thuộc tính của hang hóa, là hao phí lao động, lao động sản xuất của người sản xuất hang hóa kết tinh trong hang hóa đó. | Giá trị thặng dư là 1 bộ phận, giá trị thặng dư là 1 bộ phận của giá trị ms dôi ra ngoài giá trị hh sức ld do người công nhân tạo ra và thuộc về tư bản, khái niệm tư bản |
| c+v+m | m |
| Giống nhau: - Đều do hao phí lao động của người tạo ra. | |
| Biểu hiện mối quan hệ giữa người sản xuất và hàng hóa. | Biểu hiện mối quan hệ giữa người sở hữu tư liệu sản xuất và ngươi flamf thuê. |
| * Giá trị hàng hóa phản ánh mức độ phát triển của lực lượng sản xuất và được tạo ra bởi công lao động xã hội cần thiết, trong khi giá trị thặng dư chỉ ra mức độ bao nhiêu công lao động xã hội cần thiết được biến thành công lao động vượt mức. Giá trị thặng dư càng cao cho thấy năng suất lao động càng cao và xã hội càng giàu có. | |
| * Giá trị hàng hóa là cơ sở, là điều kiện tiên quyết để hình thành giá trị thặng dư. Không có giá trị hàng hóa thì không thể có giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư là kết quả của quá trình phục vụ xã hội vận dụng lên giá trị hàng hóa. | |
| * Trong chủ nghĩa tư bản, giá trị thặng dư bị tối đa hóa để phục vụ cho mục đích thu lợi của tư bản. Trong chủ nghĩa xã hội, giá trị thặng dư được sử dụng vì lợi ích của toàn xã hội, phục vụ cho việc phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. | |
| * Như vậy, giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư có mối quan hệ biện chứng với nhau trong kinh tế chính trị Mác-Lênin. Hai khái niệm này phản ánh một cách toàn diện về trình độ phát triển kinh tế-xã hội. | |

* **Các hình thức của biểu hiện của giá trị thặng dư trong phương thức sản xuất của tư bản chủ nghĩa:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Lợi nhuận (p)** | là số tiền lời mà nhà tư bản thu được sau khi bán hànghóa do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và chi phí SX tư bản  **G = c + v + m 🡺 G = k + p**  -Về lượng: p và m thường không bằng nhau do  cung cầu quyết định. Nhưng xét phạm vi toàn  xã hội thì tổng m = tổng p  - Về chất: p và m là một, đều có chung nguồn  gốc là kết quả của lao động. p là hình thái  biểu hiện của m trên bề mặt của nền KTTT. P  phản ánh sai lệch bản chất QHSX TBCN vì nó  làm ta tưởng rằng m không phải do v tạo ra mà  do (c+v) tạo ra.  m được tạo ra = p TB công nghiệp + p TB thương nghiệp |
| **2.Lợi tức (z)** | Lợi tức (z) chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho nhà tư bản cho vay sử dụng.  **0 < z < p** |
| **3.Địa tô tư bản chủ nghĩa ®** | Địa tô TBCN (R) là phần giá trị thặng dư còn lại (sau khi đã khấu trừ LN bình quân) mà TB kinh doanh nông nghiệp  phải nộp cho địa chủ.  Địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối đều là lợi nhuận siêu ngạch. |
| **4.Giá cả đất đai** | Giá cả ruộng đất là phạm trù kinh tế bất hợp lý. Giá cả  ruộng đất là hình thức địa tô tư bản hóa. Giá cả ruộng đất là  giá mua quyền thu địa tô do ruộng đất mang lại .  **Giá cả đất đai = Địa tô/Tỷ suất lợi tức nhận gửi của ngân hàng** |

**Câu 2:**

* **Hội nhập kinh tế quốc tế:**

Hội nhập KTQT của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

* **Việt Nam có nên tiếp tục nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam hay không? CÓ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác động tích cực** | **Tác động tiêu cực** |
| Thúc đẩy thương mại phát triển | Gia tăng cạnh tranh khiến nhiều DN trong nước khó khăn, nguy cơ phá sản... |
| Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu KT | Gia tăng sự phụ thuộc vào vào kinh tế bên ngoài |
| Nâng cao trình độ nguồn nhân lực | Có thể dẫn đến phân phối không công bằng, nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo... |
| DN trong nước tiếp cận thị trường quốc tế | Bất lợi, thua thiệt trong chuỗi giá trị toàn cầu... |
| Cải thiện tiêu dùng trong nước... | Tạo ra thách thức đối với quyền lực nhà nước... |
| Các chính sách được xây dựng và điều chỉnh hợp lý, phù hợp tình hình đất nước... | Nguy cơ bản sắc văn hóa dân tộc bị xâm lăng, xói  mòn |
| Là tiền đề hội nhập văn hóa... | Gia tăng tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia... |
| Tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị... |  |
| Nâng cao vai trò, uy thế của Việt Nam... |  |
| Đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hòa bình, ổn định... |  |
| * Việc tiếp tục thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam cần được xem xét kỹ lưỡng và cân nhắc đầy đủ các lợi và hại của nó. Chính phủ Việt Nam cần áp dụng các chính sách và biện pháp hỗ trợ, đồng thời đảm bảo rằng các khoản đầu tư này sẽ mang lại lợi ích cho Việt Nam và không gây ra các vấnđề an ninh quốc gia và tăng thêm nợ nước ngoài. Ngoài ra, cần tăng cường năng lực sản xuất và cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam để đối mặt với cạnh tranh không cân bằng từ các doanh nghiệp nước ngoài. | |

* **Phân tích phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?**
  1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập KTQT mang lại
  2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp
  3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết KTQT và thực hiện đầy đủ các cam kết của VN trong các liên kết KTQT và khu vực.
  4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp
  5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế
  6. Xây dựng nền kinh tế VN độc lập, tự chủ